

Phẩm 18: MINH PHÁP

- Sớ câu: “Gồm chung có bốn nghĩa”: Là thuộc phần Giải thích tên gọi của Phẩm. Nhưng “Pháp quang minh” là ở nơi phần giải thích Luận gốc trong Nhiếp Luận. Phần giải thích viết: “Có thể thấu tỏ đúng về sự biến hiện khắp vô lượng tướng không phân hạn nơi pháp quang minh lớn lao”. Nay, văn nơi bản Sớ giải dùng những ý giải thích ấy, tham khảo làm bốn nghĩa:

Một: Tức là ý của Bồ tát Thế Thân. Bồ tát Thế Thân trước nhắc lại Luận gốc xong, giải thích: “Nghĩa là thấu đạt đúng về vô lượng Tướng không phân hạn trong mười phương, như khéo học hỏi, đọc tụng văn tự quang minh gọi là Pháp quang minh.” Nay, văn nơi bản Sớ giải chọn lấy ý “Do có thể thấu đạt đúng” tức là pháp trí tuệ. “Vô biên pháp trong mười phương” tức ở đây là “Sự tăng tiến” nơi pháp của chủ thể giảng giải và đối tượng được giảng giải.

Hai: Tức là ý của Bồ tát Vô tánh. Tác giả đã nhắc lại phần Luận gốc xong, giải thích: “Nghĩa là, thông đạt đúng về vô biên Tướng không phân hạn trong mười phương, soi chiếu, hiển bày nẻo hành hóa, nên gọi là Pháp quang minh.” Nay, bản Sớ giải chọn lấy ý. Nhưng Bồ tát Vô tánh chỉ có câu “Soi chiếu, hiển bày nẻo hành hóa” là khác với Bồ tát Thế Thân, nên dùng ý nghĩa ấy, cho “Chủ thể nêu giảng” là quang minh. Mà ý của Bồ tát Vô tánh cũng có nói đến Trí của Bồ tát là minh.

Hai chỗ giải thích về Nhiếp Luận nêu trên đều là phần thứ bảy.

Ba: Tức ý của Nhiếp Luận, bản dịch ở đời Lương (Lương Luận) Lương Luận tức là bản dịch khác cùng một bản gốc với bản do Bồ tát Thế Thân chú giải, mà lời văn hơi rộng, nhiều. Luận ấy, quyển thứ mười, trước kết nhắc lại phần Luận gốc, nói: “Ba là có thể thấy vô lượng tướng không phân biệt nơi tất cả xứ về pháp quang minh thiện.” Phần tiếp theo giải thích: “Căn cứ nơi pháp của ba Thừa mà nói tất cả xứ. Lại căn cứ theo pháp trong ngoài để nói về tất cả xứ. Lại căn cứ nơi pháp Chân, Tục mà nói về tất cả xứ. Như nơi tất cả xứ ấy, Bồ tát có thể thấy về vô lượng tướng, như Pháp tướng mà Phật đã nói như Pháp tướng mà thế gian đã xác lập, Bồ tát đều có thể thông đạt, tức Trí như lượng. Như nơi số lượng gốc ấy, Bồ tát dùng Trí như lý để thông tỏ về tướng không phân biệt. Hai Trí này có khả năng soi chiếu rõ cảnh giới Chân Tục nên gọi là “Pháp quang minh”.

Giải thích: Ý của Luận ở đây chẳng khác với phần giải thích đầu, chỉ có văn là nói rộng về “Tất cả xứ”.

“Mà có thể thấu đạt” tức cũng chung nơi Trí của các Bồ tát. Nay chọn lấy ý riêng ấy, chỉ chọn lấy Trí của Bồ tát trong phần “Đối tượng được giảng giải”, khác với Trí của Bồ tát Pháp Huệ, nên gọi là riêng.

Bốn : Về nghĩa này thì một hướng là nghĩa được tăng thêm, làm rõ bốn cách giải thích ấy càng về sau thì hẹp dần so với trước.

- Sở từ câu: “Đức tuy vô lượng” tiếp xuống: Là tổng kết. Nghĩa là hiển bày chỗ quả vị hiện có, đã đạt được sự tăng tiến thì tại sao phải cầu tiến lên. Cho nên nói là: “Nhưng về nghĩa cầu đạt tăng tiến chẳng phải là đã thoả đáng”.

- Sở câu: “Chẳng phải là nơi của Minh không có, tức gọi là Vô minh”: Tức nơi Luận Câu Xá, quyển thứ mười, kệ viết:

*“Minh đối trị vô minh
Như chẳng phải gần thật”.*

Câu trên chính là nêu rõ về “Có Thể Tánh”. Tức Vô minh ấy là do chẳng thấu rõ về bốn đế. Đối tượng đối trị của Minh gọi là Vô Minh, tức cùng với Minh trái nhau mới gọi là vô Minh, chẳng phải là lìa bên ngoài của minh đều là vô Minh. Ở đây cũng phân biệt Nhân v.v... “chẳng phải là sáng tỏ về nơi chốn của Vô, tức gọi là vô Minh”. Đây tức nói rõ có thể câu dưới nêu lên dụ để giải thích, xác nhận. Đến phần bàn về sáu Địa sẽ giải thích.

- Sở câu: “Chẳng giữ gìn căn môn gọi là Phóng dật”: Tức ý nơi Luận Du Già, văn ở phần trước đã từng nêu dẫn đoạn này. Gồm ba phần:

Một: Giải thích tóm lược về tên gọi.

Hai: Từ câu: “Kinh đại Bát Niết-bàn nói chẳng phóng dật” tiếp xuống: Là làm rõ nguyên do đã nói ở trước.

Ba: Nêu ra Thể nơi nghiệp.

Trong phần hai, tức nơi kinh đại Bát Niết-bàn quyển thứ hai mươi bốn, phẩm Bồ tát Cao Quý Đức Vương, thuộc phần công đức thứ bốn trong mười công đức. Phần công đức này gồm mười sự công đức lợi ích, trong đó, sự việc thứ nhất là “Thiện căn sâu xa khó lay động”. Kinh tự nhắc lại, nói: “Thế nào là thiện căn sâu xa khó lay động? Thiện căn nói ở đây là Chẳng phóng dật, chính là thiện căn của đạo quả Bồ đề vô thượng. Thiện nam! Cội gốc các pháp thiện của tất cả chư Phật đều do chẳng phóng dật. Vì chẳng phóng dật nên những thiện căn khác lần lượt được tăng trưởng. Do có thể làm tăng trưởng các thiện căn, nên ở trong các pháp thiện, chẳng phóng dật là thù thắng tối thượng.

Như trong các thứ dấu chân, dấu chân của voi là hơn hết v.v... Như

trong các thứ ánh sáng, ánh sáng của mặt trời là hơn hết... Như trong các bậc Vua, Chuyển Luân Thánh vương là bậc nhất... Như trong các dòng nước, dòng nước của bốn sông là hơn hết... Như trong các núi, núi chúa Tu di là bậc nhất... Thiện nam! Như trong các loại hoa sinh từ nước thì hoa sen xanh là hơn hết; pháp chẳng phóng dật cũng lại như thế. Đối với các pháp thiện, chẳng phóng dật là hơn hết. Như trong các thứ hoa sinh nơi đất liền, hoa Bà-lợi-sư-ca là bậc nhất, pháp chẳng phóng dật cũng lại như thế, là tối thượng trong các pháp thiện...” Nêu dẫn các dụ xong, kết luận viết: “Do những ý nghĩa ấy nên thiện căn chẳng phóng dật là sâu bền, khó lay động”.

- Sở từ câu: “Là ba căn vì Tinh Tấn”: Tiếp xuống: Là phần ba, nêu ra Thể nơi nghiệp. Tức nơi Luận Duy Thức quyển thứ sáu, giải thích: “Nghĩa là dựa nơi Tinh tấn cùng ba thứ thiện căn như Vô tham v.v... bốn pháp này ở nơi đoạn trừ pháp ác giữ phần ngăn chặn, khiến chúng không dậy khởi; ở chỗ tu thiện thì tu tập, khiến chúng càng tăng trưởng”. Thể là bốn pháp, căn cứ nơi công năng riêng, mà giả kiến lập, gọi là Chẳng phóng dật, chẳng phải là có Thể tánh riêng.

- Sở từ câu: “Thà dậy khởi tâm của loài dã can ghẻ lở” tiếp xuống: Tức nơi kinh Tát Già Ni Kiền Tử. Câu “Cho nên khó quay trở lại” tức văn nơi kinh Tịnh Danh. Kinh ấy, quyển thứ hai có câu: “Hàng phàm phu đối với Phật pháp còn có dịp quay trở lại, nhưng hàng Thanh văn thì không”.

- Sở từ câu: “Nghĩa là lia Thiện tri thức” tiếp xuống: Là kết hợp với bốn thứ trách nhiệm nặng nề nêu trên. Ở đây kết hợp với Biển lớn, là vô cùng sâu nặng, khó đảm đương. “Các núi” là dụ cho Bồ tát, như mười núi của thập Địa. “Cây cỏ” là dụ cho hàng Duyên giác, riêng mình đạt được pháp thiện, chẳng từ thầy chỉ dẫn. Chúng sinh dụ cho hàng Thanh văn, có thầy dẫn dắt.

- Sở câu: “Nói năm Ấn” Tức giống như kinh Tịnh Danh, chương Ca-chiên-diên, nói về “Quán năm thứ chẳng phải là thường” (Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã, Tịch tĩnh). Nhưng bốn thứ trước là pháp Hữu vi. Tịch tĩnh là Niết-bàn, tức là pháp vô vi, thấu tóm tận cùng các pháp Hữu vi, Vô vi. Lại nữa, bốn pháp trước là Tục đế, một pháp sau là Chân đế.

- Sở từ câu: “Nói bốn Ấn” tiếp xuống: Tức nơi Luận Trang Nghiêm quyển thứ mười một, gọi là bốn Pháp ấn. Luận nói: “Bốn Pháp ấn, tức: Một là, Ấn tất cả các hành là Vô thường. Hai là, Ấn tất cả các hành là Khổ. Ba là, Ấn tất cả các pháp là Vô ngã. Bốn là, Ấn Niết-bàn tịch

diệt”. Sở dĩ biết đã hợp “không” nơi Vô ngã, như Luận viết: “Trong đó, nên biết: Ấn Vô thường và Ấn khổ là chỗ nương tựa của Tam muội Vô Nguyên. Ấn Vô ngã là chỗ nương tựa của Tam muội Không. Ấn Tịch diệt là chỗ nương tựa của Tam muội Vô tướng. Cho nên nói các Pháp ấn ấy là chỗ nương tựa của ba pháp Tam muội.

- Sở câu: “Hoặc gọi là Ưu đà Na”: Tức nơi Luận Địa Trì quyển thứ tám, cũng gọi là Ưu đàn Na. Luận viết: “Có bốn Ưu đàn na. Chư Phật, Bồ tát, vì khiến cho chúng sinh đạt được thanh tịnh, nên nói về bốn Ưu-đàn- na. Những gì là bốn? Đó là:

Tất cả các hành là Vô thường.

Tất cả các hành là Khổ.

Tất cả các pháp là Vô ngã.

Niết-bàn là Tịch diệt.

Chư Phật, Bồ tát chứng đắc đầy đủ các pháp ấy, lại đem các pháp đó trao truyền cho chúng sinh, gọi là Ưu đàn na. Chư vị Mâu ni Thế Tôn đạt được tịch diệt trong thời quá khứ, lần lượt cùng truyền cho nhau, đó là Ưu đàn na.

- Sở câu: “Kinh Bồ Tát Tạng, quyển thứ hai, gọi là pháp Ô đà nam”: Tức nơi kinh đại Bảo Tích. Hội thứ ba mươi sáu là Bồ Tát Tạng Hội, phần cuối quyển thứ mười hai (đối chiếu với kinh đại Bảo Tích trong ĐTK/ĐCTT thì đó là Hội thứ mười hai, gồm hai mươi quyển). Từ quyển 35-540, tức phẩm Bồ Tát Thí Nghiệm. Kinh viết: “Xá Lợi Tử! Chư Phật, Thế Tôn có đầy đủ trí lực lớn, thâm tóm chung các pháp, đặt yên trong bốn thứ Ô đà nam. Những gì là bốn? Đó là: Hết thấy các hành là vô thường. Hết thấy các hành là khổ. Hết thấy các pháp là Vô ngã. Niết-bàn là tịch diệt...”

- Sở câu: “Ô đà nam đây gọi là Nêu rõ tướng”: Là giải thích câu kinh ấy.

Nói “Niết-bàn tịch tĩnh là nêu rõ tướng của pháp Vô vi”: Tức lược nêu, nên cũng nói: “Vô thường là nêu rõ tướng của pháp Hữu vi. Khổ là nêu rõ tướng của pháp Hữu lậu. Vô ngã là nêu rõ tướng của các pháp”. Cũng có chỗ nói: “Ô đà nam, nên gọi là nói, nêu bày. Phật là nêu bày về Thường”, nghĩa tương đương với loại kinh “Vô vấn tự thuyết” (Không người nêu hỏi mà tự giảng nói).

- Sở câu: “Ấn nghĩa là Quyết định”: Là lại giải thích từ “Pháp ấn”. Các pháp Hữu vi quyết định là vô thường. Các pháp Hữu lậu quyết định là khổ. Hết thấy các pháp quyết định là Vô ngã. Pháp Vô vi quyết định là tịch tĩnh.

- Sở từ câu: “Kinh Thiện Giới quyển thứ bảy, Luận Địa Trì quyển thứ tám” tiếp xuống: Là lược chỉ ra nguyên do. Luận Địa Trì quyển thứ tám như đã nêu ở trên. Còn về kinh Thiện giới quyển thứ bảy, Kinh viết: “Trí có ba loại: Một là có khả năng li bỏ các vật bên ngoài. Hai là có khả năng li bỏ vật bên trong. Ba là đã li bỏ vật trong ngoài rồi thì gồm luôn việc giáo hóa chúng sinh. Giáo hóa như thế nào? Tức thấy người bản cùng (cả về vật chất và tinh thần) thì trước nên dùng lời nói để hỏi han. Hỏi: “Ông có thể quy y Tam Bảo, thọ trì trai giới chăng?” Nếu đáp là có thể, thì trước cho thọ Tam quy cùng trai giới, sau thì bố thí vật dụng. Nếu trả lời là chẳng thể được thì cũng lại dùng lời nói: “Vay ông có thể tùy theo chỗ giảng nói của ta về tất cả pháp là vô thường, Vô ngã, Niết-bàn tịch diệt để lãnh hội chăng? Như đáp là có thể được thì nên theo đấy mà chỉ dạy. Giáo hóa xong thì nên bố thí”. Cho đến nói: “Nếu có thể trước giáo hóa sau bố thí thì đó là đại thí”.

Giải thích: Đây tức là như phần văn tiếp theo nơi bản Sở giải viết: “Nói ba Pháp ấn, tức trong bốn Pháp ấn đã hợp Khổ vào trong Vô thường” tức chỗ Trí Luận nói về ba Pháp ấn.

- Sở câu: “Luận Du Già quyển thứ bốn mươi sáu”: Tức Luận viết: “Lại nữa, có bốn thứ pháp Ố đà nam. Chư Phật, Bồ tát nhằm khiến cho chúng sinh được thanh tịnh, nên thuyết giảng về bốn pháp Ố đà nam...” Phần này thì giống với Luận Địa trì. Luận Địa trì tức cùng một bản tiếng Phạn với Luận Du Già nhưng người dịch khác (Luận Địa trì do đại sư Đàm Vô Sấm dịch. Luận Du Già do Pháp sư Huyền Tráng dịch).

- Sở câu: “Hoặc trừ Niết-bàn tịch tĩnh v.v...”: Tức ba Pháp ấn này chỉ nói về pháp Hữu vi, tức không hợp Khổ vào Vô thường. Nói ba pháp Ấn tức Vô thường, Khổ, Vô ngã. Nhưng Ố đà nam đây gọi là “Tập thí”, nên cùng với “Ô đà nam” là khác. Nay Luận cũng nói: “Ốt-dà-nam hoặc dịch là “Thiếu xảo”. Ba pháp này tức là ba pháp tu tập của kinh đại Bát Niết-bàn đã nói đến.

- Sở từ câu: “Nay dùng các Ấn” tiếp xuống: Là tóm kết về các Ấn nói ở phần trước, phát sinh phần sau là giải thích về nghĩa một Ấn duy nhất.

- Sở câu: “Kinh Pháp Hoa nói: Phật tự an trụ nơi Đại thừa”: Tức nơi quyển thứ nhất, trong phần kệ thì đây là kệ trước. Kệ viết:

*“Chỉ một là sự thật
Hai thì chẳng phải thật
Quyết chẳng dùng xe nhỏ
Tế độ nơi chúng sinh”.*

- Sớ câu: “Pháp Quán tu của Trụ địa”: Như NhiếpLuận bản đời Lương viết: “Địa, có nghĩa đối trị”.

- Sớ câu: “Tuy nói về tên gọi thì chỉ một ít khác, còn đại thể giống với thập Hạnh, cũng chung cho mười độ”: Do tác giả sách “San định ký” không chấp thuận cho là chung với thập Hạnh, nên ở đây cần xác định cả hai (thập Hạnh, mười độ) là thích hợp...

Phần tiếp theo nói: “Chỗ hành hóa của thập Hạnh tức là mười độ”: Là biện minh về hai nghĩa cùng thành, đều rõ là không có lỗi gì cả. Câu tiếp theo viết: “Nhằm tạo sự tăng tiến cho phần kia nên ở đây cần tu tập trước”: Là thông tỏ riêng về thập Hạnh...

Từ câu: “Lại nữa, phần văn tiếp sau, do vì vật mà nói pháp” tiếp xuống: Là thông tỏ nơi kiến giải kia về chỗ chẳng thuận với mười độ...

- Sớ câu: “Dựa theo thứ tự kia thì các nguyện thứ năm, bảy, một, hai, sáu, tám, ba, chín, bốn, mười là thứ tự của hiện nay (mười nguyện của địa thứ nhất). Đem mười nguyện theo thứ tự hiện nay đối chiếu với mười nguyện kia-nơi địa thứ nhất thì nguyện thứ nhất ở đây so với kia là nguyện thứ năm (đem lại sự thành tựu trọn vẹn cho chúng sinh).

- Sớ câu: “Trong đó, năm là Tâm sâu xa thì có thể được lâu dài v.v...” Ở đây, đã dùng văn nơi sách Chu Dịch, phần hệ Từ Thượng. Đoạn sáu, bảy, tám của chương một, Hệ Từ Thượng nói: Cần (nhờ đức cương kiện mà động), nên dễ dàng, không tổn sức mà làm chủ tác động lúc mới đầu. Khôn (nhờ đức nhu thuận mà) đơn giản, không rối ren nên tác thành vạn vật (Người ta nếu bắt chước Cần, xử thế một cách) bình dị, thì (lòng mình) người khác dễ theo mình. Người khác dễ biết mình thì có nhiều người thân với mình. Người khác dễ theo mình thì lập được công lao. Có nhiều người thân thì mình đạt được lâu dài. Lập được nhiều công thì sự nghiệp mình được lớn lao. Đạt được lâu dài thì là có đức của Hiền nhân. Đạt được lớn lao thì là có sự nghiệp của Hiền nhân. Có đức Dị (Của Cần), có đức Giản (của Khôn), thế là nắm được đạo lý trong thiên hạ. Nắm được đạo lý trong thiên hạ, thế là có được cái địa vị ở giữa trời và đất cùng với trời đất thành ba ngôi: Trời, người, đất: Tam Tài.

Xem qua đoạn văn vừa dẫn trên thì có thể thấy văn nơi bản Sớ giải chỉ chọn lấy câu “Khả đại khả cửu” (đạt được lớn lao, đạt được lâu dài) không chọn lấy nghĩa “Dị, Giản”.

- Sớ câu: “Văn có năm đối, đều hiển bày, có thể nhận biết”: Tức năm đối là:

Một: Thấy Phật và trì Pháp.

Hai: Trí tuệ thâm diệu và từ bi rộng lớn.

Ba: Nhiều định và Phước đức rộng.

Bốn: Biện tài sâu xa và thần thông thù thắng.

Năm: Vĩnh viễn an trụ và rộng mở bao quát.

- Số câu: “Con nhà chuyên nghề rèn đức v.v...”: Tức nơi kinh đại Bát Niết-bàn đã thuyết giảng. Chính là chỗ giáo hóa theo căn cơ sai biệt của Tôn giả Thân Tử, nơi phẩm thập Địa sẽ dẫn. Nay chỉ dẫn nơi Luận Trang Nghiêm: “Tôn giả Mục Liên chỉ dạy hai người đệ tử. Người con nhà chuyên nghề rèn đức thì dạy pháp Quán Bất tịnh. Người con gia đình chuyên về giặt giũ thì dạy pháp Quán Sổ tức. Trải qua thời gian lâu mà cả hai không chứng đắc được gì cả. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Mục Liên: Thầy dùng pháp gì để chỉ dạy cho hai người đệ tử ấy? đáp: Dùng hai pháp Quán để chỉ dạy. Lại hỏi: Hai người ấy xuất thân từ gia đình như thế nào? Đáp: Một người thuộc gia đình làm nghề rèn đức. Một người thuộc gia đình chuyên về giặt giũ. Tôn giả Thân Tử nói: Người con của gia đình làm nghề rèn đức thì nên dạy về pháp Quán Sổ tức. Người con của nhà chuyên việc giặt giũ thì nên tu tập pháp Quán Bất tịnh. Bấy giờ, Tôn giả Mục Liên theo lời khuyên ấy mà chỉ dạy, hai người đệ tử sau đó đều chứng đắc A-la-hán. Hai vị bèn đọc năm bài Tụng tán thán Tôn giả Thân Tử:

*“Chuyển pháp luân lần hai
Đại tướng của Phật pháp
Ở trong hành Thanh văn
Đạt trí tuệ tối thượng ...”*

Lại nói:

*“Hành trong cảnh giới mình
Đạt được chỗ cần đạt
Hành nơi cảnh giới khác
Như cá lìa khỏi nước.
Tôi thường ở bên sông
Tập giặt giũ tự sạch
Tâm tưởng nơi tử thi
Cùng loại dễ thông hiểu.
Chẳng thêm công sức lớn
Mau chóng nhập ý mình
Rèn đức luôn thổi bể
Hơi ra vào là gió.
Do cùng loại như thế*

*Dễ hội nhập hơi thở
Chúng sinh chỗ tập quen
Đều tự có hơn kém.”*

Giải thích: Ở trên đều là ý của sự tùy nghi.

